

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CỬ NHÂN QUẢN TRỊ KINH DOANH

(Ban hành theo Quyết định số: /QĐ-ĐHNCT ngày tháng năm 20 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Nam Cần Thơ)

Tên chương trình : **Chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh**
Trình độ đào tạo : **Đại học chính quy**
Ngành đào tạo : **Quản trị kinh doanh**
Mã số : **7340101**

1. Mô tả chương trình đào tạo

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh nhằm đào tạo Cử nhân Quản trị kinh doanh có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe tốt để có thể làm việc đạt hiệu quả ở các lĩnh vực liên quan đến hoạt động sản xuất – kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình (tiếng Việt)	Quản trị kinh doanh
Tên chương trình (tiếng Anh)	Business administration
Mã ngành đào tạo	7340101
Trường cấp bằng	Trường Đại Học Nam Cần Thơ
Tên gọi văn bằng	Cử nhân quản trị kinh doanh
Trình độ đào tạo	Đại học
Số tín chỉ yêu cầu	127
Hình thức đào tạo	Chính quy
Thời gian đào tạo	4 năm
Đối tượng tuyển sinh	Học sinh tốt nghiệp THPT
Thang điểm đánh giá	10
Điều kiện tốt nghiệp	- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo đạt 127 tín chỉ; - Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên; - Đạt chuẩn đầu ra về trình độ tiếng Anh và Tin học theo quy định chung của Nhà trường. - Đạt chuẩn đầu ra Kỹ năng mềm và Kỹ năng nghề

	nghiệp; - Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng-An ninh và Giáo dục thể chất.
Vị trí việc làm	- Nhân viên, chuyên viên trong các tổ chức kinh doanh; - Chuyên viên marketing, bán hàng, chăm sóc khách hàng, nghiên cứu thị trường; - Quản lý cấp trung và phát triển lên cấp cao khi hội tụ đủ các điều kiện cần thiết về kinh nghiệm, bản lĩnh, khả năng trong các doanh nghiệp.
Học tập nâng cao trình độ	Có thể tiếp tục học thạc sĩ và tiến sĩ trong và ngoài nước.
Chương trình tham khảo khi xây dựng	Chương trình đào tạo ở nước ngoài; CTĐT của ĐH Kinh tế Tp. HCM và ĐH Quốc gia Tp. HCM.
Thời gian cập nhật bản mô tả	12/2018

1.3. Mục tiêu đào tạo của chương trình

1.3.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu của chương trình đào tạo cử nhân quản trị kinh doanh là trang bị cho sinh viên kiến thức vững chắc để có thể điều hành/quản trị các doanh nghiệp, kiến thức và năng lực quản lý đáp ứng được yêu cầu của việc làm trong kinh doanh và có thể theo học các cấp cao hơn của ngành quản trị kinh doanh.

Người học sau khi hoàn thành chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, hiểu biết các chuẩn mực đạo đức kinh doanh; có trách nhiệm đối với xã hội, hiểu biết sâu rộng về phát triển kinh tế của đất nước và các vấn đề kinh tế xã hội và chính sách phát triển kinh tế.

1.3.2 Mục tiêu cụ thể

M1. Hiểu biết và có khả năng vận dụng kiến thức đã được trang bị vào việc giải quyết các vấn đề trong quản trị kinh doanh với tư duy chiến lược và sáng tạo.

M2. Hình thành và phát triển năng lực quản lý kinh doanh điều hành các công ty/doanh nghiệp.

M3. Kiến thức chuyên môn về quản trị kinh doanh, marketing, bán hàng để đáp ứng các yêu cầu trong công việc như điều hành, quản lý công việc kinh doanh, xúc tiến thương mại,...

M4. Có kiến thức liên quan đến việc tổ chức, thực hiện các công việc tác nghiệp và quản lý ở các lĩnh vực quản trị nhân sự, sản xuất, chất lượng, marketing, kế hoạch,...

M5. Có kiến thức về phương pháp luận giải quyết vấn đề trong doanh nghiệp/tổ chức liên quan đến hoạt động sản xuất – kinh doanh, marketing, bán hàng, chăm sóc khách hàng.

M6. Phát triển được kỹ năng làm việc chuyên nghiệp, kỹ năng truyền thông kinh doanh, kỹ năng giao tiếp làm việc nhóm và hình thành kỹ năng tự học, tự nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên ngành, và có khả năng thích ứng với môi trường làm việc thay đổi.

1.4 Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

1.4.1 Kiến thức

- **Kiến thức chung**

PO1: Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản của CN MLN, TT HCM, đường lối CM của ĐCSVN, pháp luật VN, trong nghề nghiệp và cuộc sống.

PO2: Kiến thức để có thể điều hành/quản trị các doanh nghiệp, kiến thức và năng lực quản lý đáp ứng được yêu cầu của việc làm trong kinh doanh và có thể theo học các cấp cao hơn của ngành quản trị kinh doanh.

- **Kiến thức chuyên môn**

PO3: Có kiến thức cơ bản về các nguyên lý kinh tế vận dụng trong phân tích và giải thích các vấn đề kinh tế tầm vi mô và vĩ mô.

PO4: Kiến thức cơ bản về kế toán, tài chính, tài chính – tín dụng trong nền kinh tế thị trường, làm nền tảng để nghiên cứu các môn chuyên ngành quản trị kinh doanh.

PO5: Kiến thức liên quan đến việc tổ chức, lập kế hoạch, thực hiện các công việc tác nghiệp và quản lý ở các lĩnh vực như nhân sự, sản xuất, quản trị chất lượng, marketing, kế hoạch kinh doanh.

PO6: Nắm vững kiến thức về phương pháp luận giải quyết vấn đề trong doanh nghiệp/tổ chức liên quan đến phân tích môi trường kinh doanh, marketing, bán hàng, chăm sóc khách hàng.

1.4.2 Về kỹ năng

- **Kỹ năng chuyên môn**

PO7: Kỹ năng phân tích, đánh giá vấn đề liên quan đến vận hành hệ thống sản xuất – kinh doanh trong doanh nghiệp và các tổ chức.

PO8: Kỹ năng giao tiếp, đàm phán - thương lượng, xử lý và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình vận hành hệ thống của doanh nghiệp và tổ chức.

PO9: Kỹ năng thực hiện công việc tác nghiệp liên quan đến sản xuất, nhân sự, marketing, bán hàng, chăm sóc khách hàng, hậu mãi.

PO10: Kỹ năng hoạch định, tổ chức, thực thi, kiểm tra, kiểm soát các vấn đề liên quan đến chiến lược, kế hoạch kinh doanh, marketing, bán hàng.

PO11: Có khả năng dự toán, phân tích, đánh giá và ra các quyết định kinh doanh, tài chính.

PO12: Có khả năng về nghiên cứu khoa học, làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm.

- **Kỹ năng mềm:**

PO13: Các kỹ năng cá nhân: Kỹ năng quản lý và lãnh đạo, giao tiếp, sử dụng ngoại ngữ và tin học.

PO14: Khả năng nhận thức tầm quan trọng của các vấn đề kinh tế để tìm kiếm giải pháp làm tăng hiệu quả sử dụng nguồn tài nguyên khan hiếm.

1.4.3 Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm

PO15: Tự tin trong công việc liên quan đến quản trị kinh doanh, linh hoạt trong việc tìm các giải pháp trong và ngoài chuyên môn, đương đầu với rủi ro, nhiệt tình, say mê, sáng tạo, hiểu biết văn hóa và có khát vọng vươn lên để trở thành nhà quản lý.

PO16: Chấp hành các qui định của nhà nước và pháp luật, sống và làm việc có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội, trân trọng các giá trị đạo đức của dân tộc, hiểu biết vai trò của ngành quản trị kinh doanh trong cộng đồng để nâng cao giá trị của cuộc sống.

1.5 Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo															
	Kiến thức chuyên môn						Kỹ năng								NL Tự chủ trách nhiệm	
	PO 1	PO 2	PO 3	PO 4	PO 5	PO 6	PO 7	PO 8	PO 9	PO 10	PO 11	PO 12	PO 13	PO 14	PO 15	PO 16
M1	x	x	x				x	x	x	x	x	x				
M2	x	x	x	x	x		x	x	x	x			x			
M3		x	x	x		x	x	x	x	x		x				
M4			x		x		x	x	x	x				x	x	x
M5												x		x	x	x
M6															x	x

1.6 Phương pháp/chiến lược dạy – học và phương pháp kiểm tra đánh giá

1.6.1 Phương pháp/chiến lược dạy – học

Các phương pháp dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.

Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

- Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ 2 năm một lần hướng điều chỉnh đáp ứng yêu cầu của sinh viên tốt nghiệp.

- Hàng năm khoa xây dựng kế hoạch dự giờ của GV đặc biệt là GV trẻ để trao đổi chia sẻ kiến thức, phương pháp dạy nâng cao năng lực GV.

- Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về phẩm chất, tài năng, trách nhiệm của GV.

1.6.2 Thang điểm, hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian ham dự buổi học bắt buộc		5 5
2	Bài tập cá nhân	15	Chất lượng sản phẩm giao nộp		10
3	Bài kiểm tra định kỳ	25	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên		10
4	Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên		10

2. Mô tả chương trình dạy học

Khối lượng kiến thức toàn khóa: 127 TC

(Không kể các kiến thức Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – An ninh)

Kiến thức giáo dục đại cương 36

Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 91

Trong đó:

- Kiến thức cơ sở khối ngành	12
- Kiến thức cơ sở ngành	11
- Kiến thức ngành	17
- Kiến thức chuyên ngành	41
- Thực tập nghề nghiệp và khoá luận	10

Danh sách các học phần

Kiến thức giáo dục đại cương: 36 TC

Lý luận chính trị: 10 TC

STT	Tên học phần	TC
1	Triết học	2
2	Kinh tế chính trị	2
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	1
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2

Khoa học xã hội: 8 TC

STT	Tên học phần	TC
	Học phần bắt buộc	6
6	Pháp luật đại cương	2

7	Tâm lý ứng dụng trong kinh doanh	2
	Học phần tự chọn (chọn 1 trong 2 học phần)	2
8	Tâm lý học đại cương	2
9	Logic học	2

Nhân văn – nghệ thuật (chọn 1 trong 2 học phần): 2 TC

STT	Tên học phần	TC
10	Giao tiếp kinh doanh	2
11	Hành vi khách hàng	2

Ngoại ngữ: 9 TC

STT	Tên học phần	TC
12	Tiếng Anh căn bản 1	3
13	Tiếng Anh căn bản 2	3
14	Tiếng Anh căn bản 3	3

Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên: 9 TC

STT	Tên học Phần	TC
15	Toán cao cấp	3
16	Lý thuyết xác suất và thống kê	3
17	Tin học căn bản	3

Giáo dục thể chất: 3 TC

Giáo dục quốc phòng – An ninh: 8 TC

Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 91 TC

Kiến thức cơ sở của khối ngành

STT	Tên học phần	TC
18	Kinh tế vi mô	3
19	Kinh tế vĩ mô	3
20	Quản trị học	3
21	Marketing căn bản	3
Tổng cộng		12

Kiến thức cơ sở của ngành

STT	Tên học phần	TC
22	Nguyên lý kế toán	3
23	Luật kinh tế	2
24	Lý thuyết tài chính – tiền tệ	3
25	Kinh tế lượng	3
Tổng cộng		11

Kiến thức ngành

STT	Tên học phần	TC
26	Hệ thống thông tin quản lý	2
27	Nghiên cứu Marketing	3
28	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	3

29	Thực hành nghề nghiệp 1	2
30	Hành vi tổ chức	2
31	Quản trị tài chính	3
32	Thương mại điện tử	2
Tổng cộng		17

Kiến thức chuyên ngành

STT	Tên học phần	TC
	Học phần bắt buộc	33
33	Quản trị nhân lực	2
34	Quản trị chiến lược	3
35	Quản trị chất lượng	2
36	Quản trị sản xuất	3
37	Quản trị thương hiệu	3
38	Quản trị bán hàng	2
39	Quản trị Marketing	3
40	Phân tích hoạt động kinh doanh	3
41	Kế toán quản trị	3
42	Kế toán tài chính	3
43	Anh văn chuyên ngành 1 (QTKD)	3
44	Anh văn chuyên ngành 2 (QTKD)	3
	Tự chọn	8
45	Quản trị hành chính văn phòng	2
46	Thị trường chứng khoán	2
47	Khởi tạo doanh nghiệp	2
48	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh	2
49	Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo	2
50	Thanh toán quốc tế	2
51	Thuế	2
52	Tin học nâng cao	3
53	Quan hệ công chúng	2
54	Kinh tế quốc tế	2
55	Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế	2
Tổng cộng		41

Thực tập cuối khóa và viết khóa luận tốt nghiệp

10 TC

STT		10
56	Thực tập cuối khóa	4
57	Khóa luận tốt nghiệp	6
Môn thay thế khóa luận		
58	E-Marketing	3
59	Quản trị kinh doanh quốc tế	3

3. Trình tự nội dung chương trình dạy học

Học kỳ 1

STT	Tên học phần	Tổng		Lý thuyết		Thực hành	
		TC	Tiết	TC	Tiết	TC	Tiết
1	Anh văn căn bản 1	3	45	3	45		
2	Giáo dục quốc phòng – an ninh			5	75	3	90
3	Giáo dục thể chất 1					1	30
4	Lý thuyết xác suất và thống kê	3	45	3	45		
5	Triết học	2	30	2	30		
6	Tin học căn bản	3	45	3	45		
7	Toán cao cấp	3	45	3	45		
	Tổng	14	210	10	150	4	120

Học kỳ 2

STT	Tên học phần	Tổng		Lý thuyết		Thực hành	
		TC	Tiết	TC	Tiết	TC	Tiết
1	Anh văn căn bản 2	3	45	3	45		
2	Kinh tế vi mô	3	45	3	45		
3	Giáo dục thể chất 2					1	30
4	Logic học đại cương	2	30	2	30		
5	Kinh tế chính trị	2	30	2	30		
6	CNXH khoa học	1	15	1	15		
7	Pháp luật đại cương	2	30	2	30		
8	Tâm lý ứng dụng trong kinh doanh	2	30	2	30		
9	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	2	30		
10	Tổng	17	255	17	255	1	30

Học kỳ 3

STT	Tên học phần	Tổng		Lý thuyết		Thực hành	
		TC	Tiết	TC	Tiết	TC	Tiết
1	Kinh tế vĩ mô	3	45	3	45		
2	Anh văn căn bản 3	3	45	3	45		
3	Marketing căn bản	3	45	3	45		
4	Nguyên lý kế toán	3	45	3	45		
5	Quản trị học	3	45	3	45		
6	Giáo dục thể chất 3					1	30
7	Hành vi khách hàng	2	30	2	30		
	Tổng	17	255	17	255	1	30

Học kỳ 4

STT	Tên học phần	Tổng		Lý thuyết		Thực hành	
		TC	Tiết	TC	Tiết	TC	Tiết
1	Hành vi tổ chức	2	30	2	30		
2	Kinh tế lượng	3	45	2	30	1	30
3	Luật kinh tế	2	30	2	30		
4	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3	45	3	45		
5	Nghiên cứu Marketing	3	45	3	45		
6	Đường lối cách mạng của ĐCS VN	3	45	3	45		
7	Quản trị nhân lực	2	30	2	30		
	Tổng	18	270	17	255	1	30

Học kỳ 5

STT	Tên học phần	Tổng		Lý thuyết		Thực hành	
		TC	Tiết	TC	Tiết	TC	Tiết
1	Anh văn chuyên ngành 1 (QTKD)	3	45	3	45		
2	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	45	3	45		
3	Quản trị bán hàng	2	30	2	30		
4	Quản trị hành chính văn phòng	2	30	2	30		
5	Văn hóa DN & đạo đức kinh doanh	2	30	2	30		
6	Kế toán quản trị	3	45	3	45		
7	Kế toán tài chính	3	45	3	45		
	Tổng	18	270	18	270		

Học kỳ 6

STT	Tên học phần	Tổng		Lý thuyết		Thực hành	
		TC	Tiết	TC	Tiết	TC	Tiết
1	Anh văn chuyên ngành 2 (QTKD)	3	45	3	45		
2	Hệ thống thông tin quản lý	2	30	2	30		
3	Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế	2	30	2	30		
4	Quản trị chất lượng	2	30	2	30		
5	Thiết lập & thẩm định dự án	3	45	3	45		
6	Quản trị sản xuất	3	45	3	45		
7	Thương mại điện tử	2	30	2	30		
	Tổng	17	255	17	255		

Học kỳ 7

STT	Tên học phần	Tổng		Lý thuyết		Thực hành	
		TC	Tiết	TC	Tiết	TC	Tiết
1	Quản trị chiến lược	3	45				
2	Quản trị Marketing	3	45				
3	Quản trị tài chính	3	45				
4	Quản trị thương hiệu	3	45				
5	Thực hành nghề nghiệp (QTKD)	2	60			2	60
	Tổng	14	240			2	60

Học kỳ 8

STT	Tên học phần	Tổng		Lý thuyết		Thực hành	
		TC	Tiết	TC	Tiết	TC	Tiết
1	Thị trường chứng khoán	2	30				
2	Khởi tạo doanh nghiệp	2	30				
3	Thực tập cuối khóa	4	120			4	120
4	Khóa luận tốt nghiệp (hoặc môn thay thế khóa luận)	6	180			6	180
4.1	E-Marketing	3	45				
4.2	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	45				
	Tổng	14					

4. Ma trận đóng góp của các khối kiến thức vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra (0: không đóng góp; 1: đóng góp thấp; 2: đóng góp trung bình; 3: đóng góp cao)

Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo															
	Kiến thức chuyên môn						Kỹ năng								NL Tự chủ trách nhiệm	
	PO 1	PO 2	PO 3	PO 4	PO 5	PO 6	PO 7	PO 8	PO 9	PO 10	PO 11	PO 12	PO 13	PO 14	PO 15	PO 16
Chung	3	1	1	1	2	1	1	2	1	1	1	1	2	1	3	3
Chuyên nghiệp	2	2	3	2	2	2	2	3	2	3	3	2	2	2	1	1
Chuyên ngành	3	3	3	3	3	2	3	2	2	3	3	3	2	2	1	1
Khóa luận	2	3	3	3	2	2	3	2	2	2	3	3	3	2	3	3

5. Ma trận đóng góp của các khối kiến thức vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra (0: không đóng góp; 1: đóng góp thấp; 2: đóng góp trung bình; 3: đóng góp cao)

Học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo															
	Kiến thức chuyên môn						Kỹ năng								NL TCTN	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Triết học	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	2	3	3
Kinh tế chính trị	1	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	3	3
Chủ nghĩa xã hội khoa học	1	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	3	3
Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	1	0	1	1	0	1	0	1	0	0	0	0	2	2	3	3
Tư tưởng Hồ Chí Minh	1	0	1	1	0	0	0	1	0	0	0	0	2	2	3	3
Pháp luật đại cương	1	0	1	1	0	0	0	0	0	1	0	0	2	1	3	3
Tâm lý ứng dụng trong kinh doanh	2	2	2	2	1	1	1	1	1	0	0	0	1	1	0	0

Tâm lý học đại cương	2	2	2	2	1	1	1	1	1	0	0	0	1	1	0	0
Logic học	1	1	1	2	0	0	1	1	1	0	0	0	1	1	0	0
Giao tiếp kinh doanh	1	1	1	1	0	2	1	1	1	1	1	1	2	2	1	1
Hành vi khách hàng	1	1	2	2	2	1	2	1	2	1	2	2	2	2	0	0
Tiếng Anh căn bản 1	0	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	2	0	0
Tiếng Anh căn bản 2	0	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	2	0	0
Tiếng Anh căn bản 3	0	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	2	0	0
Toán cao cấp	0	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	2	0	0
Lý thuyết xác suất thống kê	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	2	1	0	0
Tin học căn bản	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	2	3	0	0
Kinh tế vi mô	2	2	2	3	3	3	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1
Kinh tế vĩ mô	2	2	2	3	3	3	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1
Quản trị học	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	2	2
Marketing căn bản	2	2	2	2	3	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1	1
Nguyên lý kế toán	2	2	2	3	3	3	2	2	2	2	2	2	1	1	0	0
Luật kinh tế	2	2	1	3	3	3	2	2	2	2	2	2	1	1	3	3
Lý thuyết tài chính – tiền tệ	2	2	2	1	1	1	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1
Kinh tế lượng	2	2	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	0	1	0	0
Hệ thống thông tin quản lý	1	1	1	3	3	1	2	2	2	2	2	2	1	1	2	2
Nghiên cứu Marketing	3	3	2	1	1	3	2	2	2	2	2	2	1	1	0	0
Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	0	0
Thực hành nghề nghiệp 1	1	1	2	3	3	3	2	2	2	2	2	2	1	1	2	2
Hành vi tổ chức	2	2	2	3	3	3	2	2	2	2	2	2	2	3	2	2
Quản trị tài chính	2	3	2	3	3	3	2	2	2	2	2	2	2	1	0	0
Thương mại điện tử	2	2	2	3	3	3	2	2	2	2	2	2	1	2	0	0
Học phần bắt buộc																
Quản trị nhân lực	2	2	3	3	3	2	2	3	3	3	2	2	1	1	2	2
Quản trị chiến lược	2	2	3	3	3	2	2	3	3	3	2	2	1	1	0	0
Quản trị chất lượng	1	1	2	3	3	2	2	2	2	1	1	2	2	2	0	0
Quản trị sản xuất	1	1	2	3	3	2	2	2	2	1	1	2	2	2	0	0
Quản trị thương hiệu	1	1	2	3	3	2	2	2	2	1	1	2	2	2	0	0
Quản trị bán hàng	2	1	2	3	3	2	2	2	2	1	2	2	2	2	1	1
Quản trị Marketing	3	1	2	3	3	2	2	2	2	1	1	2	2	2	0	0
Phân tích hoạt động kinh doanh	2	2	2	3	3	2	2	2	2	1	3	2	2	2	0	0
Kế toán quản trị	2	2	2	3	3	3	3	3	2	1	3	2	2	2	0	0
Kế toán tài chính	2	2	2	3	3	2	3	2	2	3	1	2	2	2	0	0

Anh văn chuyên ngành 1 (QTKD)	1	1	2	1	2	1	1	1	1	1	1	1	2	2	0	0
Anh văn chuyên ngành 2 (QTKD)	1	1	1	1	1	1	2	1	1	1	2	1	2	2	0	0
Tự chọn																
Quản trị hành chính văn phòng	1	1	0	0	0	0	0	1	1	1	2	2	2	2	1	1
Thị trường chứng khoán	2	2	1	1	1	2	2	2	1	2	2	2	2	2	0	0
Khởi tạo doanh nghiệp	2	2	1	3	1	2	2	2	1	2	2	2	3	3	2	2
Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh	2	2	1	1	1	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2
Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo	2	2	1	1	1	2	2	2	1	2	2	1	1	1	2	2
Thanh toán quốc tế	1	1	1	1	1	1	2	2	2	1	1	1	1	1	0	0
Thuế	2	1	2	2	2	2	2	1	1	1	2	1	1	1	0	0
Tin học nâng cao	2	2	2	2	3	3	3	1	1	1	2	3	3	2	0	0
Quan hệ công chúng	2	1	1	2	2	2	2	2	3	3	3	2	2	1	1	1
Kinh tế quốc tế	1	2	2	1	2	1	2	1	2	2	3	1	1	1	0	0
Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế	2	2	3	3	2	2	3	3	1	3	2	2	2	3	0	0
Thực tập cuối khóa	3	3	3	2	2	2	2	3	3	2	2	2	2	1	2	2
Khóa luận tốt nghiệp	2	3	2	3	3	3	3	2	3	3	2	2	3	3	2	2
Môn thay thế khóa luận	3	3	3	2	2	2	2	3	3	2	2	2	2	1	1	1
E-Marketing	2	2	2	2	3	3	3	1	1	1	2	3	3	2	0	0
Quản trị kinh doanh quốc tế	2	1	1	2	2	2	2	2	3	3	3	2	2	1	0	0

6. Mô tả tóm tắt các học phần

Triết Mác – Lênin 2(2,0)

Môn học giới thiệu về đối tượng, pp nghiên cứu về môn triết học MLN; chủ nghĩa duy vật biện chứng; phép biện chứng duy vật; chủ nghĩa duy vật lịch sử. Mục tiêu của học phần là xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được nội dung học phần Tư tưởng HCM và Đường lối cm của Đảng cs Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng. Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên. Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo. Môn học gồm chương mở đầu, chương 2 về phép biện chứng duy vật, chương 3 về chủ nghĩa duy vật lịch sử,

Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 3(3, 0)

Giới thiệu về học thuyết giá trị; học thuyết giá trị thặng dư; cn tư bản độc quyền và độc quyền nhà nước; Sứ mệnh của giai cấp công nhân và cnxh; những vấn đề chính trị xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa; chủ nghĩa, xã hội hiện thực và triển vọng. Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được nội dung học phần Tư tưởng HCM và Đường lối cách mạng của ĐcsVN, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng. Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên. Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo. Học thuyết giá trị. học thuyết giá trị thặng dư. cntb độc quyền và cntb độc quyền nhà nước. sứ mệnh lịch sử của giai cấp

công nhân và cm xhcn. những vđề ct – xh có tính qluật trong tiến trình cm xhcn. chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng. Học thuyết giá trị thặng dư. cntb độc quyền và cntb độc quyền nhà nước. sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cm xhcn. những vđề ct – xh có tính qluật trong tiến trình cm xhcn. chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng

Đường lối cách mạng của Đảng CS VN 2(2, 0)

Chương trình được xây dựng dựa trên nội dung được ban hành theo quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/09/2008 của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo. Ngoài chương mở đầu, học phần gồm 8 chương. Nội dung tập trung làm rõ quá trình ra đời tất yếu của Đảng Cs VN (1930) và các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng trong các cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ xâm lược qua các thời kỳ lịch sử. Trong đó, đặc biệt chú trọng làm rõ quá trình hình thành, phát triển và kết quả thực hiện đường lối cách mạng của Đảng trên tất cả các lĩnh vực: Kté, chính trị, vh- xh và quan hệ đối ngoại trước và trong thời kỳ đổi mới.

Tư tưởng HCM 3(3, 0)

Là học phần nc về tư tưởng của một con người cụ thể - lãnh tụ HCM, một nhà yêu nước vĩ đại, một chiến sỹ cộng sản nhiệt thành, một cha già vô vàn kính yêu của dân tộc, một người ông, người bác rất đỗi thân thương của thế hệ trẻ. Do vậy, việc học tập, nghiên cứu tư tưởng HCM phải được thực hiện một cách trình tự, bảo đảm tính logic, khoa học; Nhận thức lý luận các quan điểm tư tưởng HCM nhưng cần phải biết vận dụng các quan điểm ấy vào hoạt động thực tiễn đời sống xã hội chung của mỗi lĩnh vực và mỗi người.

Với cách đặt vấn đề trên, nội dung học phần tư tưởng HCM sẽ được trình bày theo trình tự sau:

Nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển, nội hệ thống tư tưởng HCM (bao gồm: vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; cnxh và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam; Đại đoàn kết dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; về Đảng CS VN, về xây dựng nhà nước của dân do dân – vì dân; về đạo đức, nhân văn, văn hoá; về quan điểm tài chính). Ở cuối mỗi nội dung tư tưởng luôn có phần liên hệ - phần này được giảng viên kết hợp giữa giảng với hướng dẫn sinh viên tự liên hệ.

Pháp luật đại cương 2(2, 0)

Học phần PLĐC được xây dựng gồm 6 chương với hai khối kiến thức pháp lý đại cương là: (1) khối kiến thức lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật: Vận dụng các luận điểm khoa học của lý luận Mácxit và khoa học pháp lý Việt Nam về Nhà nước và Pháp luật, (2) *khối kiến thức đại cương về các lĩnh vực pháp luật quan trọng trong hệ thống* pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế: Tiếp thu các nội dung này, sv có được những kiến thức vừa khái quát, vừa cụ thể để hiểu sâu sắc hơn cơ chế điều chỉnh bằng pháp luật đối với các quan hệ xã hội.

Nhằm trang bị kiến thức chung nhất về NN và pháp luật như nguồn gốc ra đời của NN và PL, bản chất, vai trò, các kiểu và hình thức NN và p luật; đồng thời gthiệu tổng quan về hệ thống chính trị, tìm hiểu những vấn đề cơ bản về các hệ thống cơ quan trong bộ máy NN ta hiện nay, và tìm hiểu những nội dung cơ bản của những ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật nước ta, về vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý, v.v. .

Sáu chương: lý luận chung về nhà nước; nguồn gốc, bản chất, chức năng của pháp luật; quy phạm pháp luật và quan hệ pháp luật; hệ thống pháp luật; thực hiện pl, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; pháp luật quốc tế.

Quản trị học 3(3, 0)

Mô tả học phần: Cung cấp những kiến thức cơ bản về quản trị học được vận dụng trong kinh doanh như: bản chất, đối tượng, mục đích nghiên cứu, chức năng, nhiệm vụ của quản trị học. Học phần còn đi sâu nghiên cứu các chức năng của quản trị như: Quản trị sản xuất và tác nghiệp, môi trường kinh doanh, quyết định trong kinh doanh, hoạch định chiến lược, quản trị nguồn nhân lực và một số vấn đề trong quản trị hiện đại như: quản trị sự thay đổi của một tổ chức, quản trị xung đột, quản trị rủi ro.

Mục tiêu của học phần: Môn Quản trị học nhập môn nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động quản trị và những chức năng của hoạt động quản trị trong tổ chức

Marketing căn bản 2(2, 0)

Học phần cung cấp những hiểu biết và kiến thức căn bản về những nguyên lý marketing và việc vận dụng vào thực tiễn kinh doanh như: Định nghĩa về marketing hiện đại; tìm hiểu đại cương hoạt động marketing của doanh nghiệp như môi trường marketing và thị trường của doanh nghiệp; nhận dạng nhu cầu và hành vi khách hàng; phương pháp luận nghiên cứu marketing và nguyên lý ứng xử của doanh nghiệp với thị trường của nó bao gồm chiến lược và chính sách marketing căn bản, tổ chức quản trị marketing của doanh nghiệp. Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô.

Tâm lý học đại cương 2(2,0)

Tâm lý học đại cương gồm các khái niệm cơ bản về bản chất hiện tượng tâm lý người; quan điểm duy vật biện chứng khi xem xét các hiện tượng tâm lý con người; vai trò của hoạt động và ngôn ngữ đối với sự phát triển tâm lý – ý thức; Cung cấp những hiểu biết cơ bản về các hiện tượng tâm lý người; nhận thức, thái độ, hành vi hoạt động; hiểu được các thành phần cơ bản trong cấu trúc nhân cách của con người. Điều kiện tiên quyết: không

Giúp sinh viên có kiến thức tổng quát về tâm lý học để có thể vận dụng trong ứng xử, trong quá trình tiếp xúc với các đối tác. Kiến thức tâm lý học đại cương có thể giúp sinh viên thích ứng với môi trường làm việc đa văn hóa.

Logic học 2(2,0)

Logic học giúp ta nắm vững các quy luật lôgic của tư duy, các hình thức, các phương pháp của tư duy đúng, chính xác, cho ta phương pháp nhận thức khoa học và bác bỏ những luận điệu xảo trá, nguy hiểm trong đời sống. Điều kiện tiên quyết: Không

Người học nắm bắt được những quy luật và hình thức của tư duy chính xác, góp phần nâng cao trình độ tư duy, tạo thói quen suy nghĩ khoa học.

Tiếng Anh căn bản 1 2(2,1)

Anh văn căn bản 1 giúp sinh viên ôn tập một số điểm ngữ pháp và luyện tập các kỹ năng Tiếng Anh ở trình độ sơ cấp. Học phần này là nền tảng để sinh viên học tiếp học phần Anh văn căn bản 2 và 3 và các học phần tiếng Anh chuyên ngành tiếp theo.

Điều kiện tiên quyết: Anh văn căn bản ở bậc phổ thông. Giúp người học phát âm đúng theo hệ thống phiên âm quốc tế. Sử dụng được các câu theo chủ đề khác nhau: Chào hỏi, giao dịch...

Tiếng Anh căn bản 2 3(2,1)

Sinh viên được hướng dẫn các điểm văn phạm thường gặp, cách sắp xếp các ý tưởng cả văn nói lẫn viết cũng như hiểu rõ hơn những câu nói trong giao tiếp và bài đọc hiểu nhờ vào thực hành theo cặp và nhóm trong lớp. Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh căn bản 1

Mục tiêu học phần: Sinh viên giao tiếp tiếng Anh ở trình độ sơ cấp thấp: Biết nghe nói những chủ đề thiết thân hàng ngày như: hỏi đường, hỏi giá tiền, thời gian. Biết đọc viết những văn bản ngắn và đơn giản như: nội dung bưu thiếp, e-mail thăm hỏi. Bắt đầu có ý thức so sánh văn hoá Việt – Anh, so sánh 2 ngôn ngữ và nhận ra khác biệt, từ đó hiểu rõ hơn về văn hoá và tiếng mẹ đẻ của mình.

Tiếng Anh căn bản 3 3(2,1)

Sinh viên được hướng dẫn các điểm văn phạm thường gặp, cách sắp xếp các ý tưởng cả văn nói lẫn viết cũng như hiểu rõ hơn những câu nói trong giao tiếp và bài đọc hiểu nhờ vào thực hành theo cặp và nhóm trong lớp. Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh căn bản 1, 2

Sv có khả năng giao tiếp hàng ngày với mức độ nhuần nhuyễn cao của trình độ sơ cấp. Đọc viết được những đoạn văn ngắn về các chủ đề đơn giản trong giáo trình qui định.

Nhận ra khác biệt và so sánh 2 nền văn hoá nhiều hơn so với học phần 2. Sinh viên được hướng dẫn các điểm văn phạm thường gặp, cách sắp xếp các ý tưởng cả văn nói lẫn viết cũng như hiểu rõ hơn những câu nói trong giao tiếp và bài đọc hiểu nhờ vào thực hành theo cặp và nhóm trong lớp với trình độ cao hơn.

Toán cao cấp 1 3(2,1)

Toán cao cấp 1 là môn học thuộc phần kiến thức cơ bản, nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức về hàm số (một và nhiều biến số) và các phép tính về hàm số như: giới hạn; sự liên tục; phép tính đạo hàm, vi phân, tích phân của hàm số. Điều kiện tiên quyết : Không

Định nghĩa hàm số, cách cho một hàm số, các loại hàm số. Định nghĩa giới hạn và sự liên tục của hàm số; các phép tính về giới hạn và sự liên tục của hàm số. Định nghĩa đạo hàm và vi phân của hàm số; các phép tính về đạo hàm và vi phân của hàm số. Định nghĩa nguyên hàm và tích phân bất định của hàm số; các phương pháp tính tích phân bất định. Định nghĩa tích phân xác định của hàm số; các phương pháp tính tích phân xác định; ứng dụng của tích phân xác định.

Toán cao cấp 2 3 (2, 1)

Toán cao cấp 2 là phần toán thuộc kiến thức cơ bản giúp sinh viên nắm vững kiến thức về chuỗi số, chuỗi hàm (chuỗi lũy thừa), véc tơ, ma trận, định thức và giải hệ phương trình tuyến tính. Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp 1

Sinh viên phải nắm vững các nội dung liên quan đến chuỗi số, chuỗi hàm, véc tơ, không gian vectơ, định thức-ma trận và giải các hệ phương trình tuyến tính làm cơ sở cho việc học tập các môn toán tiếp theo đặc biệt là toán kinh tế.

Tin học đại cương 3(2, 1)

Giới thiệu khức cơ bản về tin học được ứng dụng trong công việc của từng cá nhân cũng như của các tổ chức kt xh. Học phần đề cập đến năm khối kiến thức là: (1) Một số vấn đề cơ bản về tin học như: Thông tin và tin học; Hệ đếm; Máy tính điện tử; Biểu diễn thông tin trong máy tính điện tử; Phần mềm có mã độc hại (2) Hệ điều hành: Giới thiệu chung về hệ điều hành; Hệ điều hành Windows (3) Soạn thảo văn bản trên máy vi tính: Giới thiệu chung về soạn thảo văn bản; Giới thiệu về một hệ soạn thảo văn bản cụ thể là Microsoft Word (4) Bảng tính điện tử: Giới thiệu chung về bảng tính điện tử; Giới thiệu về một chương trình bảng tính cụ thể là Microsoft Excel. (5) Mạng máy tính.

Mục tiêu về kiến thức: Sinh viên cần nắm được: Kiến thức cơ bản về thông tin và tin học, máy tính điện tử, hệ điều hành. soạn thảo văn bản trên máy vi tính. bảng tính điện tử. mạng máy tính và mạng Internet.

Mục tiêu về kỹ năng: Thực hiện được các thao tác cơ bản trên máy vi tính. thao tác cơ bản của hệ điều hành. văn bản trên máy vi tính. Thiết lập được dữ liệu và áp dụng được công cụ tính toán trên bảng tính điện tử. Khai thác thông tin thông qua mạng máy tính.

Lý thuyết xác suất và thống kê toán 3(2,1)

Môn học gồm hai phần rõ rệt: phần lý thuyết xs và phần thống kê toán. Phần lý thuyết xs nhằm trang bị những khức cơ bản của lý thuyết xs như : Ngẫu nhiên và xác suất; đại lượng ngẫu nhiên; một số quy luật phân phối xs của đại lượng nn và luật số lớn. Phần tk: sử dụng những kiến thức cơ bản của lý thuyết xs để giải quyết các vấn đề của tk như: lthuyết mẫu; lthuyết kiểm định; lthuyết tương quan và hồi qui. Điều kiện tiên quyết : Toán cao cấp 2

Đây là môn học vừa là cơ bản vừa là cơ sở cung cấp các kiến thức cơ sở để sinh viên học và hiểu được nội dung các môn thống kê kinh tế và phân tích số liệu và dự báo để góp phần học tốt môn kinh tế lượng.

Kinh tế vi mô 3(2,1)

Trang bị cho học sinh kiến thức cơ bản về hoạt động của thị trường, luật cung cầu, làm nền tảng cho các môn học về chuyên ngành kế toán, tài chính, quản trị kinh doanh và kinh tế đối ngoại. Điều kiện tiên quyết: Không

Ktế vi mô là môn học ktế học căn bản cung cấp cho học sinh kiến thức đại cương về lý luận và phương pháp kinh tế trong lựa chọn để giải quyết ba vấn đề kinh tế cơ bản của một nền kinh tế: sản xuất cái gì? sản xuất như thế nào? và sản xuất cho ai? Môn học khởi đầu với sự nghiên cứu về những cơ sở của cung cầu: vấn đề tiêu dùng cá nhân, đặc tính cầu cá nhân và từ đó suy ra cầu của thị trường. Nội dung tiếp theo là nghiên cứu về đặc điểm của sản xuất, chi phí, lợi nhuận. Các lựa chọn tối ưu hoá lợi nhuận của doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh, thị trường cạnh tranh không hoàn hảo và thị trường độc quyền. Phần cuối của môn học giới thiệu những vấn đề thất bại của thị trường, thông tin và vai trò của chính phủ.

Kinh tế vĩ mô 3(2,1)

Nghiên cứu nền kt như một tổng thể. Những vấn đề kt vĩ mô đóng vai trò quan trọng trong cuộc sống của các hộ gia đình, các đn, chính phủ các cấp cũng như các mối quan hệ quốc tế. Học phần này sẽ mô tả các biến kt vĩ mô như GDP, lạm phát, thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá, tiêu dùng, đầu tư, tiết kiệm. Thêm nữa, học phần này giới thiệu các mô hình kinh tế vĩ mô đơn giản để giải thích mối quan hệ giữa các chỉ tiêu vĩ mô nói trên. Nội dung bao gồm cả tăng trưởng kinh tế dài hạn và dao động sản lượng trong ngắn hạn. Chính sách kinh tế vĩ mô cũng được trình bày ở mức độ giới thiệu trong học phần này. Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô

Trang bị những kiến thức cơ bản về kt vĩ mô như đo lường sản lượng qgia, vận dụng chính sách tài chính, chính sách tiền tệ vào mô hình nền kinh tế đóng và nền kinh tế mở.

Nguyên lý thống kê kinh tế 3(2,1)

Mô tả học phần: Cung cấp một cách có hệ thống các ppháp điều tra thkê bao gồm việc thu thập thtin ban đầu về các hiện tượng kt-xh và việc xử lý các th tin đã thu thập. Trang bị các pp phân tích kt-xh làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng trong tương lai nhằm giúp cho việc ra quyết định ở tầm vi mô và vĩ mô. Điều kiện tiên quyết: Kinh tế lượng

Mục tiêu học phần: cung cấp ppháp luận về th kê và những ppháp phtích và dự đoán xu hướng vận động và phát triển của các hiện tượng kinh tế -xã hội. Những kiến thức này làm cơ sở cho sinh viên nghiên cứu các môn học chuyên ngành như Quản trị tài chính, Kế toán quản trị, Phân tích hoạt động kinh doanh...

Những kiến thức trong học phần này là nền tảng, giúp cho sinh viên có những kỹ năng tính toán để vận dụng chúng vào các học phần chuyên ngành và nghiệp vụ sau này.

Học phần còn cho sinh viên cảm thấy thích thú, say mê trong xử lý, tính toán và phân tích các chỉ tiêu kinh tế xã hội trong thực tế.

Nguyên lý kế toán 3(2,1)

Trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản về kế toán để có thể thực hiện được các công việc của kế toán trong một doanh nghiệp từ khâu lập chứng từ cho đến lập báo cáo tài chính. Cung cấp kiến thức để tiếp tục nghiên cứu kế toán tài chính, kế toán quản trị và các môn học khác.

Tổng quan về kế toán: Nhiệm vụ chung của ktoán. Đối tượng sử dụng thông tin ktoán. Phân loại ktoán. Yêu cầu đối với kế toán . Các nguyên tắc của kế toán. Đối tượng kế toán . Kỳ kế toán. Các phương pháp kế toán

Tổng hợp - cân đối kế toán: Khái niệm. Các bảng tổng hợp và cân đối kế toán. Bảng cân đối kế toán. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài khoản và ghi sổ kép: Tài khoản kế toán. Ghi sổ kép. Kết chuyển tài khoản. Hạch toán tổng hợp và hạch toán chi phí. Quan hệ giữa bảng cân đối kế toán và tài khoản kế toán. Bảng cân đối tài khoản

Kế toán các quá trình sản xuất kinh doanh chủ yếu: Kế toán qua trình cung cấp. Kế toán quá trình sản xuất. Kế toán quá trình tiêu thụ và tính kết quả kinh doanh

Chứng từ kế toán: Khái niệm. Các yếu tố cơ bản của chứng từ. Phân loại chứng từ. Nguyên tắc lập chứng từ. Ký chứng từ kế toán. Trình tự luân chuyển và kiểm tra chứng từ kế toán. Sử dụng, quản lý, in và phát hành biểu mẫu chứng từ kế toán

Kinh tế lượng 3(2,1)

Mô tả học phần: Định hướng của môn học này là ứng dụng không đi theo hướng sâu về lý thuyết. Môn học giới thiệu một số kỹ thuật cơ bản trong việc sử dụng kinh tế lượng trong nc và ptích ktế và kdoanh. Kỹ thuật hồi qui theo ppháp ước lượng bình phương bé nhất (OLS). Mô hình hồi qui hai biến và đa biến. các trường hợp vi phạm các giả thiết cơ bản của mô hình. Cách phát hiện và biện pháp khắc phục. Cuối cùng, một số chủ đề nâng cao trong kinh tế lượng như biến giả, và dạng hàm toán học (functional form), sẽ được trình bày nhằm giới thiệu một số kỹ thuật thông dụng hữu ích trong việc xây dựng các mô hình ktế lượng ứng dụng.

Trang bị những kiến thức về ppháp thkê để có thể ứng dụng trong lĩnh vực kt- xh bằng cách rút ra những kết luận dựa trên số liệu và thông tin được thu thập trong điều kiện không chắc chắn. Đồng thời cung cấp cho sinh viên một số kỹ thuật cơ bản trong việc sử dụng kinh tế lượng trong nghiên cứu và phân tích kinh tế và kinh doanh.

TOÁN KINH TẾ 2(2,0)

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, thống kê kinh tế và toán cao cấp.

Cung cấp kiến thức cơ bản về toán học và vận dụng trong các mô hình toán kinh tế để tối ưu hóa hoạt động sản xuất kinh doanh qua các mô hình toán kinh tế như: bài toán lập kế hoạch sản xuất, bài toán đầu tư, bài toán vận tải, phương pháp sơ đồ mạng để xây dựng, tổ chức, quản lý và kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh một cách tối ưu.

Nội dung của môn học là giới thiệu các mô hình toán kinh tế, phương pháp giải và vận dụng các mô hình toán kinh tế vào trong thực tiễn sản xuất kinh doanh.

Hệ thống thông tin quản lý 2(2, 0)

Cung cấp kiến thức cơ bản về tổ chức thông tin và hệ thống tt; Cơ sở công nghệ tt của hệ thống tt; Phân tích, thiết kế cài đặt hệ thống tt; Hệ thống thông tin phục vụ quản lý doanh nghiệp.

Trang bị kiến thức về hệ thống thông tin và quản trị hệ thống thông tin.

Một số vấn đề chung về thông tin và hệ thống thông tin Khái niệm hệ thống thông tin. Các bộ phận cấu thành hệ thống thông tin. Phân loại hệ thống thông tin. Mô hình biểu diễn hệ thống thông tin. Lợi ích kinh tế của hệ thống thông tin

Cơ sở dữ liệu của hệ thống thông tin. Khái niệm cơ sở dữ liệu. Phân loại cơ sở dữ liệu. Quản lý cơ sở dữ liệu. Các hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu. Cấu trúc cơ sở dữ liệu

Phân tích hệ thống thông tin. Mục tiêu của phân tích hệ thống thông tin. Các phương pháp thu thập thông tin. Mã hoá dữ liệu. Các công cụ mô hình hoá hệ thống thông tin. Các công đoạn phân tích hệ thống thông tin. Lập kế hoạch phân tích hệ thống thông tin. Nghiên cứu hệ thống thông tin và môi trường thông tin hiện tại. Chẩn đoán và xác định các yếu tố cần giải quyết. Đánh giá lại tính khả thi. Chuẩn bị và báo cáo giai đoạn phân tích hệ thống thông tin

Thiết kế và triển khai hệ thống thông tin. Cài đặt, bảo trì và khai thác hệ thống thông tin. Hệ thống thông tin quản lý kinh doanh và sản xuất. Hệ thống thông tin nguồn nhân lực. Hệ thống thông tin tài chính. Hệ thống thông tin Marketing. Hệ thống thông tin văn phòng.

GIAO TIẾP KINH DOANH 2(2,0)

Cung cấp một số kỹ năng giao tiếp cơ bản có thể ứng dụng vào công việc trong môi trường kinh doanh. PP và kỹ năng giao tiếp cơ bản phục vụ cho công việc sau khi ra trường. Môn học mang tính thực hành cao, các ppháp và kỹ năng giao tiếp được hướng dẫn và thực hành ngay.

Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh. 2(2,0)

Trang bị kiến thức về đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp: kiến thức về văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh (các chuẩn mực đạo đức kinh doanh, xây dựng đạo đức kinh doanh). Văn hóa doanh nghiệp (Biểu hiện và các dạng văn hóa doanh nghiệp, nhân tố tạo lập văn hóa doanh nghiệp, xây dựng văn hóa doanh nghiệp và nắm giữ trong các hoạt động kinh doanh).

Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư 3(2,1)

Các học phần tiên quyết Quản trị học đại cương . Marketing cơ bản . Quản trị tài chính

Mục tiêu: Xây dựng nhận thức, hiểu biết về vai trò của việc thiết lập và thẩm định dự án đầu tư. Trang bị các phương pháp luận cơ bản cho triển khai thiết lập và thẩm định một dự án. Luyện kỹ năng vận dụng, tổng hợp các kiến thức đã học áp dụng vào thực tế.

Khái niệm dự án đầu tư chỉ ra các hoạt động dài hạn sử dụng nguồn lực (chi phí) để thu lại lợi ích lớn hơn. Hoạt động này diễn ra trên nhiều qui mô, tính chất, mục tiêu khác nhau. Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư bảo đảm cho tính khả thi khi thực thi. Công việc này đòi hỏi người thực hiện phải có những kiến thức tổng hợp từ nhiều chuyên ngành khác nhau; có tư duy phân tích, phán đoán và quan điểm toàn diện.

Môn học tập trung vào dự án đầu tư sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hướng dẫn sinh viên sử dụng các kiến thức quản trị chuyên ngành khác (tài chính, marketing, sản xuất, nhân sự...) để: (1) triển khai một ý tưởng kinh doanh – không cần lớn lao hay phức tạp – trở thành một hoạch định khả thi, (2) thẩm định tính khả thi của dự án qua báo cáo nghiên cứu trên quan điểm toàn diện. Như vậy, các dự án mang tính chất công ích, dự án thuộc phạm vi xã hội hay có tác động kinh tế vùng, khu vực sẽ ít được đề cập. Ngoài ra, phân tích & thẩm định kinh tế-xã hội chỉ được giới thiệu và không đi sâu.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU TRONG KINH TẾ 2(1,1)

Các môn tiên quyết Thống kê ứng dụng, Marketing cơ bản, Kế toán đại cương, Kế toán tài chính. Mục tiêu học tập: Xây dựng nhận thức, hiểu biết về vai trò, ý nghĩa, trình tự nghiên cứu trong kinh tế; Biết cách xác định vấn đề, thiết kế nghiên cứu và thiết lập được đề cương nghiên cứu; Sử dụng được các công cụ phân tích thống kê cơ bản (mô tả, quan hệ, khác biệt) cho phân tích dữ liệu.; Biết cách thức, quy tắc trình bày một đề cương nghiên cứu và báo cáo nghiên cứu. Môn học cụ thể hoá phương pháp nghiên cứu khoa học vào lãnh vực kinh doanh, mà cụ thể là các lĩnh vực: kế toán, tài chính và quản trị kinh doanh.

Các kiến thức thiết yếu, cơ bản nhất về phương pháp luận sẽ làm cơ sở cho việc chuyển tải các qui trình, kỹ năng nghiên cứu mang tính ứng dụng. Ví dụ minh họa từ các nghiên cứu khác, thảo luận trên lớp là công cụ giảng dạy-học tập chủ yếu. Sinh viên phải thực hiện nhiều bài tập nhỏ và hoàn thành một đề cương nghiên cứu khi kết thúc môn học.

Thanh Toán Quốc Tế 2(2,0)

Điều kiện tiên quyết Để học tập và tiếp thu tốt môn học này đòi hỏi sinh viên phải học qua một số môn học khác có liên quan như: Kinh tế quốc tế, tiền tệ ngân hàng, Tiếng Anh thương mại

Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ thuật nghiệp vụ thanh toán quốc tế cũng như nghiệp vụ tín dụng của các ngân hàng thương mại dành cho các nhà kinh doanh xuất nhập khẩu trong thanh toán quốc tế nhằm hoàn chỉnh lý thuyết và kỹ năng thực hành trọn vẹn một giao dịch xuất nhập khẩu cho sinh viên.

Nắm được cơ sở pháp lý làm nền tảng cho hoạt động thanh toán quốc tế và những điều kiện thanh toán quốc tế trong hợp đồng ngoại thương.

Nắm được nội dung các phương tiện thanh toán quốc tế, các phương thức thanh toán, các chứng từ thương mại chủ yếu dùng trong thanh toán quốc tế và vận dụng chúng trong thực tế.

Hoàn tất môn học Thanh toán quốc tế sinh viên có thể thực hiện nghiệp vụ mua bán ngoại tệ trên thị trường hối đoái quốc tế, có thể đảm nhiệm khâu thanh toán quốc tế tại các doanh nghiệp có hoạt động xuất nhập khẩu và các phòng thanh toán quốc tế tại các ngân hàng thương mại.

Nội dung chính của học phần Thanh Toán Quốc Tế trình bày những vấn đề có liên quan đến tỷ giá hối đoái, các nghiệp vụ hối đoái trên thị trường hối đoái, các phương tiện thanh toán quốc tế, các phương thức thanh toán quốc tế và các chứng từ chủ yếu trong thanh toán quốc tế.

QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH. 3(2,1)

Điều kiện tiên quyết Kinh tế học và Tài chính tiền tệ.

Trình bày những vấn đề có liên quan đến tổng quan về quản trị tài chính và những quyết định liên quan đến việc đầu tư dài hạn trong doanh nghiệp.

Đối với phần tổng quan sinh viên sẽ được nghiên cứu những khái niệm liên quan đến một hoạt động trong công tác quản lý doanh nghiệp – quản trị tài chính; những nhân tố tác động đến các quyết định quản trị tài chính: môi trường vĩ mô, vi mô, biến động của tiền tệ theo thời gian, những ảnh hưởng của lợi nhuận và rủi ro trong việc ra quyết định.

Đối với phần quyết định đầu tư dài hạn trong doanh nghiệp. Đây là một trong ba quyết định quan trọng nhất của công tác quản trị tài chính và là quyết định tạo ra giá trị cho doanh nghiệp. Ở phần này chúng ta sẽ nghiên cứu những cơ sở của việc ra quyết định đầu tư dài hạn, cách thiết lập dòng ngân lưu, tính toán suất chiết khấu và những vấn đề thường gặp phải khi xây dựng dòng tiền trong thực tiễn.

Quản trị chiến lược 4 (3, 1)

Nắm được các khái niệm liên quan đến chiến lược và quản trị chiến lược

Phân tích môi trường bên trong, bên ngoài doanh nghiệp, các mô hình chiến lược ứng dụng trên thực tế (case studies). Xác định quan điểm chiến lược, mục tiêu, sứ mệnh. Lập một *chiến lược cụ thể*, lựa chọn phương án chiến lược. Tổ chức thực hiện chiến lược đã lập. Quản lý, kiểm soát và điều chỉnh chiến lược cụ thể. Làm quen với một/một số chiến lược cụ thể của doanh nghiệp trên thực tế.

Nắm vững các khái niệm chiến lược và quản lý chiến lược; Lập được một chiến lược cụ thể trong hoạt động kinh doanh; Tổ chức thực hiện chiến lược đã lập; Quản lý, kiểm soát và điều chỉnh chiến lược cụ thể.

Quản trị nhân lực 2(2,0)

Mô tả học phần kiến thức liên quan đến hoạch định nhân sự; thiết lập bảng mô tả công việc; xây dựng qui trình tuyển dụng; xác định chương trình đào tạo và phát triển; biết cách đánh giá hiệu quả làm việc của nhân viên; tìm hiểu và thiết lập hệ thống lương bổng - đãi ngộ cho doanh nghiệp; lựa chọn hình thức kỷ luật lao động phù hợp, tạo môi trường làm việc an toàn cho người lao động và thỏa mãn nhu cầu nhân viên.

Mục tiêu học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về cách thức thu hút nhân sự, đào tạo-phát triển đội ngũ nhân sự cũng như duy trì nhân sự trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ sao cho hiệu quả.

Quản trị bán hàng 3 (2, 1)

Mô tả học phần Tổng quan về bán hàng và quản trị bán hàng; Xây dựng kế hoạch bán hàng; Kỹ thuật bán hàng và chăm sóc khách hàng; Thiết kế và tổ chức lực lượng bán hàng trong doanh nghiệp; Quản trị đội ngũ bán hàng và phân tích đánh giá kết quả bán hàng.

Mục tiêu học phần nghiên cứu hoạt động bán hàng và cách thức tổ chức, quản lý hoạt động bán hàng của doanh nghiệp.

QUẢN TRỊ SẢN XUẤT 2(2,0)

Điều kiện tiên quyết: Xác suất thống kê Quy hoạch tuyến tính Kinh tế lượng Marketing căn bản. **Mục tiêu của học phần:** Xây dựng nhận thức, hiểu biết về vai trò quản trị sản xuất-tác nghiệp trong tổ chức. Cung cấp kiến thức cơ bản về thiết kế và vận hành hệ thống sản xuất. Luyện kỹ năng phân tích định tính và định lượng cần cho quản trị sản xuất. Cung cấp các ý niệm, phương pháp cơ bản về mô hình hoá các hoạt động, giúp người học có thể vận dụng để giải quyết các bài toán cụ thể.

Khái niệm sản xuất chỉ các hoạt động tác nghiệp để chuyển đổi các yếu tố đầu vào thành các yếu tố đầu ra là sản phẩm hàng hóa hay dịch vụ để thỏa mãn nhu cầu của con người. Từ rất sớm con người đã có những bước tiếp cận đến sản xuất và chúng không ngừng phát triển cùng thời gian và trở thành một lĩnh vực khoa học trong quản trị.

Trong phạm vi học phần quản trị sản xuất sẽ chủ yếu tập trung vào 3 phần gồm: (1) Giới thiệu tổng quan về quản trị sản xuất; (2) Thiết kế hệ thống sản xuất & dịch vụ và (3) Vận hành hệ thống sản xuất.

Để chuyển tải nội dung trên, các kiến thức cơ bản, thiết thực và gần gũi sẽ được trình bày với các minh họa dựa trên các tình huống thực tế có liên quan để chuyển tải nội dung đến sinh viên. Ngoài ra, các bài tập thực hành và bài tập nhóm sẽ giúp sinh viên tiếp cận kiến thức môn học được thuận lợi.

Quản trị chất lượng. 2(2,0)

Điều kiện tiên quyết Quản trị học nhập môn Marketing căn bản Thống kê ứng dụng

Mục tiêu của học phần: chất lượng, chất lượng sản phẩm, chất lượng dịch vụ, quản trị chất lượng sản phẩm, chi phí chất lượng, các công cụ quản trị chất lượng và một số hệ thống quản trị chất lượng đang được áp dụng phổ biến hiện nay

Mô tả vắn tắt nội dung học phần Học phần gồm 3 phần: Tổng quan về chất lượng; Các công cụ quản trị chất lượng; Một số hệ thống quản trị chất lượng

QUẢN TRỊ MARKETING 2(2,0)

Điều kiện tiên quyết Marketing căn bản Nghiên cứu Marketing Quản trị Sản xuất Quản trị Nhân sự. **Mục tiêu của học phần:** Trang bị tổng thể kiến thức luận về lĩnh vực marketing, quản trị marketing. Môn học còn giúp sinh viên có thể hình dung được hoạt động marketing và quy trình triển khai công tác quản trị marketing tại doanh nghiệp. Chương trình cũng đi sâu vào việc giải quyết các yêu cầu đối với việc hoạch định chiến lược marketing, kế hoạch marketing, chương trình marketing. Ngoài ra, môn học cũng trang bị những kiến thức tổng thể về thương hiệu và kiến tạo thương hiệu cho sinh viên ngành kinh tế. Nội dung chương trình tập trung nhiều vào việc vận dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế ở lĩnh vực marketing.

Nội dung học phần: Kiến thức tổng quan về marketing và chức năng của marketing trong doanh nghiệp. Nhận dạng quy trình quản trị marketing, hoạch định chiến lược, kế hoạch marketing, chương trình marketing. Tìm hiểu hệ thống thông tin và nghiên cứu thị trường. Tìm kiếm cơ hội thị trường và thoả mãn nhu cầu khách hàng mục tiêu. Quản trị chiến lược sản phẩm và phát triển sản phẩm mới. Quản trị chiến lược phân phối và phát triển kênh phân phối mới. Quản

trị chiến lược giá. Quản trị chiến lược chiêu thị- truyền thông. Quản trị bán hàng và dịch vụ bán hàng. Hoạch định marketing, tổ chức thực hiện và kiểm tra marketing. Thương hiệu đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa trong xu thế hội nhập kinh tế thế giới.

QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU. 2(2,0)

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Marketing cơ bản.

Mục tiêu của học phần: Cung cấp kiến thức, kỹ năng quản trị thương hiệu cho sinh viên

Mô tả tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về thương hiệu; cách thức xây dựng thương hiệu; thiết kế, đăng ký thương hiệu; quản lý thương hiệu trong quá trình kinh doanh. Một số vấn đề chung về thương hiệu. Xây dựng thương hiệu. Xác định tên thương hiệu. Thiết kế biểu trưng thương hiệu. Đăng ký bảo hộ thương hiệu. Quản lý thương hiệu trong quá trình kinh doanh.

KINH TẾ QUỐC TẾ. 2(2,0)

Điều kiện tiên quyết Sinh viên phải hoàn thành môn kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô

Mục tiêu của học phần Cung cấp những kiến thức về các lý thuyết thương mại quốc tế, vận dụng những kiến thức đó phân tích bản chất các vấn đề về buôn bán thương mại quốc tế. Phân tích các chính sách thương mại và khả năng vận dụng vào trong nghiên cứu chính sách, phúc lợi xã hội,...

Môn học này sẽ trình bày các lý thuyết về thương mại và những mô hình kinh tế, nghiên cứu mối quan hệ kinh tế giữa các nước, các nền kinh tế và các khu vực kinh tế trên thế giới. Những vấn đề về phân phối và sử dụng tài nguyên giữa các nền kinh tế thông qua con đường trao đổi hàng hóa, dịch vụ, các yếu tố sản xuất, chuyển đổi tiền tệ và thanh toán giữa các quốc gia.

Giao Tiếp Kinh Doanh 2(2,0)

Điều kiện tiên quyết: tâm lý học đại cương.

Mục tiêu của học phần Cung cấp cho sinh viên một số kỹ năng giao tiếp cơ bản có thể ứng dụng vào công việc trong môi trường kinh doanh.

Mô tả vấn đề nội dung học phần: Môn học Kỹ Năng Truyền Thông cung cấp phương pháp và kỹ năng giao tiếp cơ bản phục vụ cho công việc sau khi ra trường. Môn học mang tính thực hành cao, các phương pháp và kỹ năng giao tiếp được hướng dẫn và thực hành ngay.

Cơ sở của quá trình giao tiếp. Môi trường tổ chức quá trình giao tiếp. Nghệ thuật nói chuyện và trình bày báo cáo bằng miệng. Phỏng vấn và dẫn dắt hội nghị. Phát triển kỹ năng viết trong giao tiếp.

THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH 2(2,0)

Điều kiện tiên quyết Sinh viên phải hoàn thành các môn Kinh tế vĩ mô, Tài chính tiền tệ, Tiền tệ ngân hàng.

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thị trường tài chính, các công cụ lưu thông trên thị trường tài chính. Tìm hiểu các định chế tài chính. Cơ chế hoạt động của các từng loại thị trường... để sinh viên có thể hiểu được chức năng bản chất của thị trường tài chính, làm nền tảng giúp cho sinh viên có thể nghiên cứu sâu hơn các loại thị trường tài chính.

Cung cấp kiến thức tổng quan về cơ chế hoạt động, các bộ phận cấu thành của thị trường tài chính. Đặc biệt chú trọng đến thị trường chứng khoán là nơi cung cấp vốn dài hạn cho nền kinh tế với những tính chất ưu việt và phù hợp với nền kinh tế thị trường.

Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo. 2(2,0)

Điều kiện tiên quyết: Quản trị học, Quản trị nguồn nhân lực

Cung cấp các kiến thức cơ bản có liên quan đến hoạt động lãnh đạo. Trên cơ sở đó đi vào phân tích: Bản chất của lãnh đạo, phẩm chất và kỹ năng của nhà lãnh đạo, việc sử dụng quyền lực của nhà lãnh đạo sao cho có hiệu quả nhất, sự phù hợp giữa phong cách của nhà lãnh đạo với từng hoàn cảnh cụ thể, phát huy năng lực tập thể, khảo sát, đánh giá hiệu quả lãnh đạo theo phương pháp khoa học, nhằm đánh giá năng lực lãnh đạo, phân biệt được mặt mạnh, yếu của người lãnh đạo và phân rõ trách nhiệm lãnh đạo,...

THUẾ 2(2,0)

Điều kiện tiên quyết : - Kinh tế học vi mô - Lý thuyết tài chính và tiền tệ - Kế toán đại cương

Mục tiêu của học phần: Các khái niệm về thuế, việc phân loại thuế và vai trò của thuế trong nền kinh tế xã hội. Đánh giá một cách có hệ thống về các loại thuế, phạm vi áp dụng và sự vận hành của chúng trong nền kinh tế xã hội. Tính toán, kê khai các loại thuế cơ bản thông qua hệ thống bài tập thực hành sát với thực tế của các doanh nghiệp. Phát triển khả năng tự cập nhật thông tin về thuế trong quá trình học và sau khi kết thúc chương trình đại học nhằm phục vụ cho công việc thực tế sau khi ra trường.

Môn học này gồm 2 phần chính: Phần một trình bày những vấn đề chung về nguồn gốc xuất hiện, bản chất, vai trò của thuế, phạm vi ảnh hưởng của thuế trong môi trường cạnh tranh và môi trường độc quyền. Phần hai trình bày những quy định hiện hành về các loại thuế ở Việt Nam bao gồm: thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu, thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế tài nguyên, thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp, lệ phí môn bài, lệ phí trước bạ và các loại phí và lệ phí khác.

QUAN HỆ CÔNG CHÚNG. 2(2,0)

Điều kiện tiên quyết: giao tiếp kinh doanh

Mục tiêu của học phần giới thiệu những nguyên tắc cơ bản của Quan hệ công chúng (Public Relations). Mục đích là giúp cho học viên có những hiểu biết nền tảng về PR mà từ đó có thể áp dụng vào thực tiễn.

Môn học này cung cấp kiến thức về PR: Hiểu rõ PR được đặt ở vị trí nào trong mối qhệ liên quan với các lĩnh vực nc và nghề nghiệp khác. Hiểu rõ những ngắtc và lí thuyết nền tảng của PR và tìm hiểu xem chúng đã được ptriển như thế nào. Hiểu rõ tầm quan trọng của truyền thông trong hoạt động PR, những kỹ năng cơ bản cần thiết khi giao tiếp với giới truyền thông và các công cụ của PR. Hiểu rõ hơn về hoạt động PR trong một số tổ chức.

QUẢN TRỊ KINH DOANH QUỐC TẾ 3(3,0)

Điều kiện tiên quyết Hoàn thành môn học: Kinh tế Quốc tế

Mục tiêu của học phần Môn học gồm 5 chương, được chia thành ba phần nhằm đến 3 mục tiêu: Xây dựng kiến thức nền tảng về ngoại thương. Nắm được kỹ thuật nghiệp vụ trong kinh doanh xuất nhập khẩu. Trang bị kiến thức phục vụ công tác quản trị kinh doanh quốc tế.

Hoạt động ngoại thương của một quốc gia bao gồm hoạt động mua và bán các hàng hóa và dịch vụ của nước đó với nước ngoài – gọi là xuất nhập khẩu. Môn học Quản trị kinh doanh quốc tế nghiên cứu sự ra đời, vai trò của hoạt động ngoại thương, các nghiệp vụ trong ngoại thương và hoạt động quản trị ngoại thương của doanh nghiệp.

Nghiên cứu marketing 3(3,0)

Môn học giới thiệu tổng quan về Marketing. Xác định vấn đề nghiên cứu và thiết kế kế hoạch nghiên cứu. Chọn mẫu và tiến hành thu thập số liệu. Phân tích thống kê và báo cáo kết quả.

Mục tiêu học phần Môn học này nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu kinh tế trong nền kinh tế thị trường, đồng thời cũng giúp sinh viên cách thức tiến hành thu thập, xử lý và phân tích thông tin thị trường một cách khoa học phục vụ cho quá trình ra quyết định kinh doanh.

PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2(2,0)

Điều kiện tiên quyết: Kế toán tài chính, Kế toán chi phí, Kế toán quản trị. Thực chất của quá trình và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó đề xuất các biện pháp hợp lý để kiểm soát chi phí, khai thác khả năng tiềm tàng của doanh nghiệp. Phân tích hoạt động kinh doanh bằng các phương pháp nghiên cứu riêng có của mình giúp sinh viên hiểu và đánh giá đúng kết quả sản xuất về khối lượng, chất lượng sản phẩm, thấy được thành quả cũng như trách nhiệm của các bộ phận trong việc kiểm soát chi phí thông qua phân tích biến động giá thành sản phẩm. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận cũng cho thấy nguyên nhân làm lợi nhuận doanh nghiệp tăng, giảm theo xu hướng khách quan hoặc chủ quan. Phân tích báo tài chính của doanh nghiệp cho thấy được ý nghĩa của các số liệu trên các báo cáo, thông qua mối quan hệ giữa các khoản mục trên bảng cân đối sẽ đánh giá được tình hình biến động cũng như kết cấu vốn, nguồn vốn của doanh nghiệp. Khả năng sinh lời, tình hình lưu chuyển vốn, khả năng thanh toán của doanh nghiệp cũng sẽ được sáng tỏ khi phân tích báo cáo tài chính.

Cung cấp những kiến thức cơ bản về việc đánh giá quá trình và kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, qua đó nhận thức được bản chất của hệ kinh doanh trong đn, có kỹ năng đưa ra các biện pháp phục vụ cho công tác quản lý và ngăn ngừa các rủi ro trong kinh doanh. Học phần còn giúp cho sv có kỹ năng đọc và phân tích báo cáo tài chính, nhằm cung cấp thông tin phục vụ cho việc ra các quyết định kinh doanh.

TÂM LÝ HỌC ỨNG DỤNG TRONG KINH DOANH 2(2,0)

Mô tả học phần Môn học Tâm lý học ứng dụng trong kinh doanh là môn Khoa học kinh tế xã hội, môn học nghiên cứu những kiến thức về tâm lý người lao động, tâm lý người mua, kỹ năng giao tiếp trong điều kiện thực tế kinh doanh hiện nay.

Mục tiêu học phần: Trình bày được những kiến thức cơ bản của tâm lý tâm lý kinh doanh. Vận dụng kiến thức về tâm lý của người lao động, tâm lý người mua vào thực tiễn. Nhận biết, nắm bắt được đặc điểm tâm lý của người lao động, người mua nhằm phục vụ cho quản lý con người. Ứng dụng các kỹ năng giao tiếp vào trong thực tế kinh doanh

Nhiệm vụ của sinh viên Tham dự đầy đủ các buổi học. Nghiên cứu giáo trình liên quan đến nội dung của buổi học trước khi đến lớp. Tích cực tham gia thảo luận về những vấn đề liên quan đến môn học. Tham gia làm việc theo nhóm và thuyết trình về các đề tài do giáo viên hướng dẫn. Hoàn thành tất cả các bài tập theo qui định của giáo viên.

HÀNH VI KHÁCH HÀNG 2(2,0)

Mô tả học phần: Hành vi người tiêu dùng (HVNTD) là một lĩnh vực nghiên cứu có nguồn gốc từ các khoa học như tâm lý học, xã hội học, tâm lý xã hội học, nhân văn học và kinh tế học. Hành vi NTD chú trọng đến việc nghiên cứu tâm lý cá nhân, nghiên cứu những niềm tin cốt yếu, những giá trị, những phong tục, tập quán ảnh hưởng đến hành vi con người và những ảnh hưởng lẫn nhau giữa các cá nhân trong quá trình mua sắm tiêu dùng. Đặc biệt, việc nghiên cứu HVNTD là một phần quan trọng trong nghiên cứu kinh tế học với mục đích tìm hiểu xem bằng cách nào (how) và tại sao (why) những NTD mua (hoặc không mua) các sản phẩm và dịch vụ, và quá trình mua sắm của NTD diễn ra như thế nào.

Một sự hiểu biết về HVNTD cung cấp nền tảng cho những chiến lược marketing, như việc định vị sản phẩm, phân khúc thị trường, phát triển sản phẩm mới, những áp dụng thị trường mới, marketing toàn cầu, những quyết định marketing mix, và những hoạt động marketing và sự điều

chính bởi những tổ chức phi lợi nhuận và các cơ quan chính phủ. Mỗi hoạt động marketing chủ yếu này sẽ hiệu quả hơn khi được đặt trên cơ sở 1 sự hiểu biết về HVNTD.

Mục tiêu học phần: Hiểu biết sâu sắc và khoa học về hành vi NTD nhằm trở thành một nhà quản trị marketing hiệu quả, hay nói cách khác là giúp cho những nhà quản trị có được những quyết định Marketing tốt hơn. Nâng cao sự hiểu biết chung về một khía cạnh chủ yếu của hành vi con người. Những nhân tố tác động đến quá trình ra quyết định mua sắm của NTD. Những ảnh hưởng của hành vi NTD đối với chiến lược marketing. Mô hình hoạt động của hành vi NTD.

LỊCH SỬ CÁC HỌC THUYẾT KINH TẾ 2(2,0)

Hiểu được nội dung cơ bản của môn Lịch sử các học thuyết kinh tế - môn cơ sở ngành kinh tế. Cụ thể là: Đối tượng, phương pháp, mục đích ý nghĩa của môn học. Tư tưởng kinh tế thời Cổ đại và Trung đại. Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Trọng thương. Học thuyết kinh tế của trường phái Tự sản cổ điển. Trong đó có học thuyết của William Petty, Trọng Nông, Adam Smith, David Ricardo, Jean Baptiste Say, Thomas Robert Malthus. Học thuyết kinh tế Tiểu tư sản. Học thuyết kinh tế của Cnxx không tưởng. Học thuyết kinh tế Mác xít, Karl Marx, F.Engels, V.I.Lenin. Học thuyết kinh tế của trường phái Tân cổ điển. Học thuyết kinh tế của trường phái Keynes. Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Tự do mới. Học thuyết kinh tế của trường phái chính hiện đại. Các lý thuyết về tăng trưởng và phát triển kinh tế.

Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu bản chất của hiện tượng kinh tế, tính quy luật và xu hướng vận động của các hiện tượng và quy luật của kinh tế thị trường.

Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu môn kinh tế cụ thể như kinh tế vĩ mô, kinh tế học phát triển, kinh tế quốc tế và một số môn kinh tế khác.

Hình thành và phát triển (một bước) năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề kinh tế vĩ mô, cũng như kinh tế vĩ mô.

Phát triển kỹ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng, về các vấn đề kinh tế.

Qua việc nghiên cứu, phân tích các lý thuyết kinh tế hình thành cơ sở lý luận để giải quyết các vấn đề cụ thể trong quá trình vận dụng vào thực tiễn quá trình sản xuất kinh doanh: Hình thành và phát triển kỹ năng phân tích, nhận xét các biến động về kinh tế; Phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi; Trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và vận dụng các kiến thức kinh tế trong xây dựng và phát triển kinh tế.